

# TIẾP CẬN LÝ THUYẾT KIẾN TẠO TRONG DẠY HỌC

ThS. LÊ THỊ LỆ HÀ - ThS. LƯU THANH TÚ - ThS. NGUYỄN THỊ LAN ANH\*

Ngày nhận bài: 23/05/2016; ngày sửa chữa: 25/05/2016; ngày duyệt đăng: 25/05/2016.

**Abstract:** A major theme in the Theory of constructivist of Bruner shows that learning is an active process in which learners construct new ideas or concepts based upon their current or past knowledge. The learner selects and transforms information, constructs hypotheses, and makes decisions, relying on a cognitive structure to do so. Learners are not considered as empty barrels in which teachers can fill in with knowledge but they are the subjects of the learning activities. They can use existing knowledge or experiences to solve newly-arisen situations or to categorize new information into the existing knowledge system. Only when the learners can create lively connections between the old and new knowledge and make the classification, their new knowledge can have application values and cannot be forgotten. In this article, authors mention approach of constructivist theory in changing the methods of teaching currently.

**Keywords:** Constructivist theory, learners, knowledge, learning activities, categorize, connections, classification, application values, teaching methods.

**T**huyết kiến tạo (KT) là lý thuyết về sự nhận thức được bắt nguồn từ tư tưởng của J.Piaget. Theo quan điểm của lý thuyết KT, bản thân người học không phải là một cái “thùng rỗng” để người dạy rót đầy kiến thức vào đó mà là chủ thể hoạt động trên cơ sở vận dụng những kiến thức hoặc kinh nghiệm đã có từ trước để giải quyết một tình huống mới nảy sinh và sắp xếp kiến thức mới vào hệ thống kiến thức đã có và chỉ khi nào người học tạo được mối liên hệ hữu cơ giữa kiến thức mới và cũ, sắp xếp vào hệ thống kiến thức đã có thì lúc đó kiến thức mới sẽ có giá trị ứng dụng và không bị lãng quên.

## 1. Những quan niệm chính của thuyết KT:

- Không có tri thức khách quan tuyệt đối. Tri thức được xuất hiện thông qua việc chủ thể nhận thức từ cấu trúc vào hệ thống bên trong của mình, vì thế tri thức mang tính chủ quan.

- Với việc nhấn mạnh vai trò chủ thể nhận thức trong việc giải thích và KT tri thức, thuyết KT thuộc lý thuyết định hướng chủ thể.

- Căn tổ chức sự tương tác giữa người học và đối tượng học tập, để giúp người học xây dựng thông tin mới vào cấu trúc tư duy của chính mình, đã được chủ thể điều chỉnh.

- Học không phải chỉ là khám phá mà còn là sự giải thích, cấu trúc mới tri thức.

## 2. Cơ sở tiếp cận tri thức theo quan điểm KT:

- Hoạt động là nguồn gốc nảy sinh và phát triển tri thức.

- Nhận thức là quá trình thích nghi và sắp xếp lại thế giới quan của người học.

- Mâu thuẫn là động lực của sự phát triển. Con

người nhận thức thế giới bằng các thao tác trí tuệ để giải quyết sự mất cân bằng giữa kiến thức, kỹ năng (KN) của họ với yêu cầu mới của môi trường sống, các thao tác trí tuệ này ở mức nào cũng thực hiện sự đồng hoá và điều tiết để tạo ra một sự cân bằng. Tuy nhiên, sự cân bằng vừa được thiết lập lại nhanh chóng tỏ ra mất cân bằng và tạo ra động lực cho sự phát triển.

- Vai trò của cá nhân và vai trò của môi trường được coi trọng trong quá trình KT tri thức của mỗi cá nhân. Người học phải là chủ thể của hoạt động nhận thức, người học phải tự ý thức được nhu cầu, hứng thú của việc học, từ đó tích cực tìm hiểu tri thức mới, tích cực tạo ra xung đột trong quá trình nhận thức của mỗi cá nhân. Dạy học (DH) là mối tác động qua lại giữa thầy giáo - học trò - môi trường. Bởi vậy lớp học phải được coi như xã hội thu nhỏ, ở đó chứa đựng những tình huống học tập, việc giải quyết các tình huống đó như là nhu cầu tất yếu của cuộc sống.

- Lý thuyết KT dựa trên cơ sở tất cả các tri thức đều phải là sản phẩm của hoạt động nhận thức, bằng cách xây dựng tri thức mới trên những tri thức đã được KT, người học có thể nắm bắt tốt hơn các khái niệm, họ có thể đi từ nhận biết các sự vật sang hiểu chúng và tìm được mối quan hệ của chúng với các sự vật khác.

## 3. Quan điểm về KT trong DH

**3.1. Hoạt động DH** của người dạy được thể hiện ở hai chức năng *uy thác* và *thể chế hoá*:

- *Uy thác* không phải là bắt học trò học tập theo ý của thầy giáo một cách khiên cưỡng mà phải làm sao cho họ tự giác biến ý đồ dạy của thầy thành nhiệm vụ

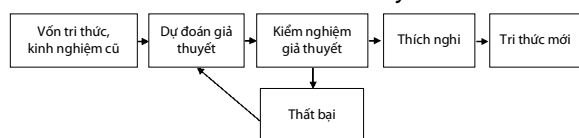
\* Trưởng Cao đẳng Sư phạm Nghệ An

học của mình và đảm nhiệm quá trình hoạt động để KT tri thức. Giáo viên phải gọi ra những vấn đề học sinh giải quyết, sao cho hoạt động của học trò “gần giống” với hoạt động của nhà nghiên cứu.

- **Thể chế hoá** là việc chuyển hoá kiến thức mà học trò KT được thành tri thức của xã hội. Trong việc này cần phải có vai trò của người dạy, qua đó, người học được chính thức chấp nhận kiến thức tìm ra là một tri thức chung của xã hội và người dạy chính thức chấp nhận kết quả đạt được của học trò. Muốn thể chế hoá một kiến thức, người dạy phải giúp người học: + Xác nhận kiến thức đó; + Đồng nhất hoá kiến thức mà người học đã đạt được; + Cho học sinh thấy kiến thức đã được xác nhận là một kiến thức hữu ích cần được ghi nhớ để vận dụng; + Chỉ ra vị trí của tri thức mới trong hệ thống các tri thức đã biết, làm cho học sinh nắm được tri thức đó theo đúng mục đích, yêu cầu, cách thức diễn đạt và mức độ quy định trong chương trình, hướng dẫn ghi nhớ và vận dụng tri thức đó.

**3.2. Quan điểm KT trong DH.** Quan điểm KT trong DH khẳng định rằng, người học cần phải tạo nên những hiểu biết về thế giới bằng cách tổng hợp những kinh nghiệm mới vào trong những cái mà họ đã có trước đó. Người học tạo nên kiến thức của bản thân bằng cách điều khiển những ý tưởng và cách tiếp cận dựa trên những kiến thức và kinh nghiệm đã có, áp dụng chúng vào những tình huống mới, hợp thành một thể thống nhất giữa kiến thức mới thu nhận được với những kiến thức đang tồn tại trong trí óc.

### 3.2.1. Mô hình của DH theo thuyết KT:



Trong DH KT, người học đạt được kiến thức mới phải thông qua quá trình huy động tất cả vốn kiến thức, kinh nghiệm đã có cùng với khả năng suy luận có lí, khả năng tư duy biện chứng, khả năng liên tưởng, khả năng tư duy logic để kiểm nghiệm giả thuyết vừa hình thành. Ở đây, khâu dự đoán có thể xem là khâu trung tâm của hoạt động, tiếp đến là khâu huy động kiến thức, huy động các liên tưởng.

### 3.2.2. Tiến trình của DH KT bao gồm:

#### Bước 1: Làm bộc lộ quan niệm của người học.

Trong bước này, người dạy giúp người học hệ thống, ôn lại các kiến thức cũ có liên quan đến kiến thức mới bằng cách sử dụng các câu hỏi, các bài tập. Sau đó người thầy hoặc người học sẽ nêu vấn đề (bài tập, thí nghiệm, câu hỏi,...), từ đó tạo cơ hội cho người học bộc lộ quan niệm của mình về vấn đề học tập.

**Bước 2: Tổ chức điều khiển người học thảo luận.** Người dạy tổ chức cho người học đề xuất các giả thuyết, kiểm tra giả thuyết (thử và sai) phân tích kết quả và từ đó rút ra kết luận chung cho cả lớp.

**Bước 3: Tổ chức cho người học vận dụng kiến thức.** Người dạy tổ chức cho người học vận dụng kiến thức giải quyết các vấn đề về lí thuyết cũng như thực tiễn qua đó giúp người học khắc sâu hơn kiến thức mới.

### 3.2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin vào tiến trình DH KT:

- Xây dựng diễn đàn trực tuyến để cho người học bộc lộ các quan niệm của mình theo từng chủ đề mà người dạy đặt ra.

- Sử dụng các phần mềm để xây dựng hệ thống câu hỏi ôn tập, kiểm tra các kiến thức cũ, cũng như vận dụng để khắc sâu kiến thức mới cho người học.

- Mô phỏng các quá trình, hiện tượng để nêu vấn đề.

- Sử dụng các thí nghiệm để người học kiểm tra giả thuyết, phân tích kết quả để rút ra các kết luận.

### 4. Học tập theo thuyết KT (xem mô hình)

**4.1. Hoạt động học.** Học là sự tiếp thu tri thức, biến đổi hành vi có mục đích đặt ra từ trước, được thực hiện thông qua sự tương tác với bạn bè, thầy giáo và môi trường. Khi người học làm việc với những đối tượng trong môi trường có thể xảy ra hai trường hợp:

- Nếu họ có thể áp dụng những tri thức và quan niệm sẵn có vào đối tượng mới thì đó là sự **đồng hoá**.

- Nếu đối tượng mới tác động trở lại chủ thể buộc họ phải điều chỉnh tri thức, quan niệm sẵn có để giải quyết vấn đề nảy sinh thì đó là sự **điều tiết**.

*Người học học bằng cách làm cho bản thân thích nghi (đồng hoá và điều tiết) với môi trường sinh ra mâu thuẫn.*

### 4.2. Những đặc điểm cơ bản của hoạt động học theo thuyết KT:

- Tri thức được lĩnh hội trong học tập là một quá trình và sản phẩm KT theo từng cá nhân thông qua tương tác giữa người học và nội dung học tập.

- Về mặt nội dung, DH phải định hướng theo lĩnh vực và vấn đề phức hợp, gần với cuộc sống và nghề nghiệp, được khảo sát một cách tổng thể.

- Việc học tập chỉ có thể được thực hiện trong hoạt động tích cực của người học, vì chỉ từ những kinh nghiệm và kiến thức mới của bản thân thì mới có thể thay đổi và cá nhân hóa những kiến thức và khả năng đã có.

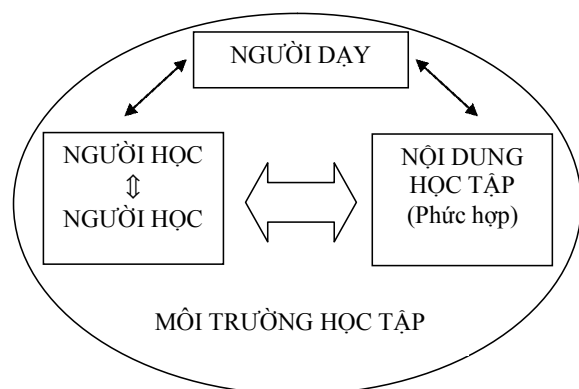
- Học tập trong nhóm có ý nghĩa quan trọng, thông qua tương tác xã hội trong nhóm góp phần cho người học tự điều chỉnh sự học tập của bản thân mình.

- Học qua sai lầm là điều rất có ý nghĩa.

- Các lĩnh vực học tập cần định hướng vào hứng thú của người học, vì có thể học hỏi dễ nhất từ những kinh nghiệm mà người ta thấy hứng thú hoặc có tính thách thức.

- Thuyết KT không chỉ giới hạn ở những khía cạnh nhận thức của việc dạy và học. Sự học tập hợp tác đòi hỏi khuyến khích phát triển không chỉ có lí trí, mà cả về mặt tình cảm, thái độ, giao tiếp.

- Mục đích học tập là KT tri thức của bản thân, nên khi đánh giá kết quả học tập không định hướng theo các sản phẩm học tập, mà cần kiểm tra những tiến bộ trong quá trình học tập và trong những tình huống học tập phức hợp.



Mô hình học tập theo thuyết KT

### 5. Một số KN KT kiến thức trong DH

**5.1. KN dự đoán phát hiện vấn đề dựa trên cơ sở các quy luật tư duy tiên logic, tư duy biện chứng, suy luận có lí, khả năng liên tưởng và di chuyển các liên tưởng.** Trong DH theo lí thuyết KT, dự đoán là việc làm của người học trong quá trình giải quyết nhiệm vụ học tập trên cơ sở định hướng, hướng dẫn của người dạy, nó có vai trò quan trọng trong tất cả các pha của quá trình DH.

Để có khả năng *dự đoán* một vấn đề, người học cần được rèn luyện KN xem xét các đối tượng nhận thức trong mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, trong mối quan hệ nhân quả; phát hiện những bước chuyển hóa về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất; xem xét đối tượng nhận thức trong sự mâu thuẫn và thống nhất giữa các mặt đối lập; KN thực hiện các thao tác tư duy phân tích - tổng hợp, đặc biệt hóa - khái quát hóa...

**5.2. KN huy động kiến thức để giải quyết các vấn đề của nhận thức.** Các thành tố chủ yếu của KN này được thể hiện: Lựa chọn các công cụ thích hợp để giải quyết một vấn đề của nhận thức; Phân chia đối tượng nhận thức thành những liểu tri thức nhỏ...

**5.3. KN tạo các tình huống KT kiến thức.** Theo G. Polya, trong quá trình DH hãy cố thôi thúc học sinh “phát huy óc tò mò và sáng kiến”, “mở ra trước mắt họ những khả năng rộng lớn” để làm quen mọi tình huống đa dạng thường gặp trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học. Tạo lập cho người học có thói quen khi giải quyết xong một bài toán nào đó sẽ dành thời gian để suy nghĩ, nghiền ngẫm về lời giải bài toán, về phương pháp giải; tự đặt cho mình các câu hỏi bổ ích: khâu nào trong quá trình tiếp nhận tri thức là quan trọng nhất? Khó khăn chủ yếu ở chỗ nào? Có phương pháp tiếp cận nào khác không?... Việc nghiền ngẫm và tìm câu trả lời cho các câu hỏi này sẽ làm cho học sinh có thể xây dựng nên những kiến thức mới.

**5.4. KN lập luận logic, có căn cứ để giải quyết vấn đề đặt ra.** Yêu cầu này đòi hỏi từng bước trong khám phá tri thức phải có cơ sở lí luận, phải dựa các kiến thức đã học, đặc biệt là phải chú ý đảm bảo các điều kiện nêu trong giả thuyết.

\*\*\*

DH theo lí thuyết KT đòi hỏi người dạy phải có vốn sống, có kinh nghiệm nghề nghiệp nhất định, khả năng ứng dụng linh hoạt công nghệ thông tin vào các bước trong tiến trình DH, phải là người chuyển hóa các tri thức khoa học thành các tri thức DH với việc xây dựng các tình huống DH chứa đựng những tri thức cần lĩnh hội, tạo dựng nên môi trường mang tính xã hội để người học KT nên kiến thức của mình. Có như vậy, DH KT mới phát huy được ưu thế vượt trội của nó, mới có thể tạo ra những con người lao động sáng tạo, góp phần nâng cao chất lượng DH.

Trường đại học, cao đẳng là môi trường thuận lợi cho các giảng viên vận dụng lí thuyết KT vào quá trình DH ở tất cả các môn học, bởi vì ở đó có đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động dạy và học, có điều kiện tổ chức cho học sinh, sinh viên học trong hành động, học trong sự tương tác với xã hội... □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Kỳ (1995). *Phương pháp giáo dục tích cực, lấy người học làm trung tâm*. NXB Giáo dục.
- [2] I.Lerner (1997). *Dạy học nêu vấn đề* (Phạm Tắt Đắc dịch). NXB Giáo dục.
- [3] Léonchiep A.N (1989). *Hoạt động - Ý thức - Nhân cách*. NXB Giáo dục.
- [4] Phan Trọng Ngọ (2005). *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*. NXB Đại học Sư phạm.
- [5] Thái Duy Tuyên (1999). *Những vấn đề cơ bản giáo dục học hiện đại*. NXB Giáo dục.